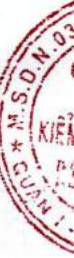


**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH
BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Hoàng Tâm Hoà	Thành viên
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phan Quang Chất	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Bà Hà Thị Minh Phương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Thái Minh Duy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Vương Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Quân	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Số: 18.142/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đã phân bổ dần vào chi phí kinh doanh giá trị lợi thế kinh doanh khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần trong thời gian 20 năm thay vì phải phân bổ trong thời gian không quá 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ trong thời gian 10 năm thì khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017 sẽ giảm đi lần lượt là 4,37 tỷ VND và 3,5 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 0,87 tỷ VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 0,17 tỷ VND và 0,7 tỷ VND. Và như vậy, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" kỳ này sẽ là 10,67 tỷ VND.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.34 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, trong đó trình bày việc Công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ liên quan đến tiền thuê đất được xác định theo đơn giá thuê đất được quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh do Ban Tổng Giám đốc chưa có thông tin để xác định một cách đáng tin cậy giá trị của nghĩa vụ nợ của các khu đất mà Công ty đang thuê. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.991.168.186	135.452.238.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	52.482.371.805	76.045.599.475
1. Tiền	111		15.482.371.805	26.045.599.475
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.119.970.931	33.230.218.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	54.748.609.728	23.720.976.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	25.962.068.700	6.275.447.727
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.717.640.312	3.542.142.390
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(308.347.809)	(308.347.809)
III. Hàng tồn kho	140		42.687.952.108	24.482.126.676
1. Hàng tồn kho	141	4.6	42.687.952.108	24.482.126.676
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.700.873.342	1.694.293.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	2.700.873.342	1.694.293.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.019.540.465	266.291.294.645
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.109.965.000	1.043.965.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.109.965.000	1.043.965.000
II. Tài sản cố định	220		75.165.518.376	76.677.267.320
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	73.456.476.414	74.793.404.548
Nguyên giá	222		147.580.612.291	145.313.199.221
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.124.135.877)	(70.519.794.673)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.709.041.962	1.883.862.772
Nguyên giá	228		2.934.978.044	3.096.623.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.225.936.082)	(1.212.760.272)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	20.755.689.864	21.211.992.407
1. Nguyên giá	231		27.853.048.219	27.853.048.219
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.097.358.355)	(6.641.055.812)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		109.042.493	1.603.279.571
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		109.042.493	1.603.279.571
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	121.056.849.537	122.656.563.707
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.211.535.774	19.211.535.774
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		92.735.596.435	92.735.596.435
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.709.431.498	10.709.431.498
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.599.714.170)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.822.475.195	43.098.226.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	40.822.475.195	43.098.226.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		444.010.708.651	401.743.533.159

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		173.191.840.675	141.819.147.393
I. Nợ ngắn hạn	310		143.945.569.017	110.744.551.165
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	16.816.089.191	8.933.581.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	51.635.189.295	15.977.478.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	4.776.455.993	4.274.452.998
4. Phải trả người lao động	314		2.063.492.564	7.930.187.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	4.831.003.254	1.131.114.332
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	2.836.108.035	5.653.680.267
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	24.443.723.742	24.605.171.324
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	32.089.306.893	39.962.411.653
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.769.781.283	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.684.418.767	2.276.473.553
II. Nợ dài hạn	330		29.246.271.658	31.074.596.228
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	15.351.049.870	15.854.362.978
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	10.032.109.788	10.069.417.250
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	3.863.112.000	5.150.816.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.818.867.976	259.924.385.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	270.818.867.976	259.924.385.766
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.18.2	250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(466.200.000)	(304.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.151.241.214	3.191.307.712
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.133.826.762	7.037.578.054
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		7.037.654.538	2.515.309.282
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.096.172.224	4.522.268.772
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		444.010.708.651	401.743.533.159



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	353.612.684.727	296.749.374.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	2.674.156.097	3.167.400.178
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.938.528.630	293.581.974.715
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	293.782.108.073	243.385.679.462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.156.420.557	50.196.295.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	1.956.498.970	2.335.959.224
7. Chi phí tài chính	22	4.24	2.881.678.937	1.118.328.891
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.176.487.506</i>	<i>962.316.089</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	19.931.664.731	19.151.399.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	21.662.464.094	20.168.513.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.637.111.765	12.094.011.932
11. Thu nhập khác	31		309.245.437	847.435.547
12. Chi phí khác	32		532.487.845	289.265.504
13. Lợi nhuận khác	40		(223.242.408)	558.170.043
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.413.869.357	12.652.181.975
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	3.043.523.133	2.338.866.511
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.370.346.224	10.313.315.464



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.413.869.357	12.652.181.975
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	4.326.654.487	4.426.079.278
Các khoản dự phòng	03		1.599.714.170	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.580.505.358)	(2.201.033.467)
Chi phí lãi vay	06	4.24	1.176.487.506	962.316.089
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.936.220.162	15.839.543.875
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.955.752.504)	(14.770.789.042)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.205.825.432)	(12.813.195.863)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41.273.380.460	25.560.735.378
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.269.172.039	(5.751.306.018)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.176.487.506)	(962.316.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(2.731.410.540)	(4.709.534.348)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	15.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(642.044.800)	(1.650.276.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.222.748.121)	757.861.893
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.597.526.147)	(3.551.615.494)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.909.091
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.580.505.358	2.201.033.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.020.789)	(15.339.672.936)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(161.700.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	40.341.138.500	31.626.078.504
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(49.501.947.260)	(18.510.935.060)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(950.000)	(3.625.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.323.458.760)	9.490.143.444
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(23.563.227.670)	(5.091.667.599)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		76.045.599.475	28.012.611.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	52.482.371.805	22.920.944.220



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng



Đường Ngọc Hương
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành Viên	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	59.323.500.000	23,73	59.323.500.000	23,73
Các nhà đầu tư khác		68.176.500.000	27,27	68.176.500.000	27,27
Cộng		250.000.000.000	100,00	250.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 342 (31 tháng 12 năm 2016 là: 342).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tua du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phi kim loại tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12;

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	121.653.500	104.531.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.344.470.425	25.941.067.975
Tiền đang chuyển	16.247.880	-
Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>52.482.371.805</u>	<u>76.045.599.475</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan ^(a)	19.211.535.774	-	(*)	19.211.535.774	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique ^(b)	63.000.000.000	(1.300.000.000)	(*)	63.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân ^(c)	24.278.147.833	-	(*)	24.278.147.833	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành ^(d)	3.896.248.602	(299.714.170)	(*)	3.896.248.602	-	(*)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng ^(e)	1.561.200.000	-	(*)	1.561.200.000	-	(*)
Cộng	92.735.596.435	(1.599.714.170)		92.735.596.435	-	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Bến Thành Mũi Né	3.212.944.560	-	(*)	3.212.944.560	-	(*)
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	313.560.000	-	(*)	313.560.000	-	(*)
Cộng	10.709.431.498	-		10.709.431.498	-	

(a) Khoản đầu tư này tương đương với 100% quyền sở hữu Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ - Xem thêm mục 4.35.

(b) Khoản đầu tư này tương đương với 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(c) Khoản đầu tư này tương đương với 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(d) Khoản đầu tư này tương đương với 26,09% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động kinh doanh thương mại các loại hóa chất, bột màu, mực in....

(e) Khoản đầu tư này tương đương với 30,00% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, sản xuất các loại bánh từ bột

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	7.059.477.930	2.603.963.670
Các khách hàng khác	47.689.131.798	21.117.012.449
Cộng	54.748.609.728	23.720.976.119

4.4. Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	200.000	200.000
Các nhà cung cấp khác	25.961.868.700	6.275.247.727
Cộng	25.962.068.700	6.275.447.727

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Tạm ứng cho nhân viên	5.732.912.040	1.174.742.867
Phải thu về ứng vốn xây dựng Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique – Xem thêm mục 4.31	339.224.370	339.224.370
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.31	-	1.624.988.000
Phải thu khác	645.503.902	403.187.153
Cộng	6.717.640.312	3.542.142.390
Dài hạn:		
Ký cược, ký quỹ	1.109.965.000	1.043.965.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	199.199.842	-	233.356.689	-
Công cụ, dụng cụ	1.784.094.377	-	1.888.074.170	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.586.924.084	-	6.756.034.371	-
Hàng hóa	14.117.733.805	-	15.604.661.446	-
Cộng	42.687.952.108	-	24.482.126.676	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các tour du lịch đang thực hiện.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	125.632.271.444	13.870.642.663	1.886.089.435	3.924.195.679	145.313.199.221
Mua trong kỳ	-	-	2.187.448.000	131.155.000	2.318.603.000
Giảm khác	-	-	-	(51.189.930)	(51.189.930)
Tại ngày 30/06/2017	125.632.271.444	13.870.642.663	4.073.537.435	4.004.160.749	147.580.612.291
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	57.120.142.598	9.659.452.353	881.753.407	2.858.446.315	70.519.794.673
Khấu hao trong kỳ	2.583.182.184	598.654.272	202.023.480	271.671.198	3.655.531.134
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(51.189.930)	(51.189.930)
Tại ngày 30/06/2017	59.703.324.782	10.258.106.625	1.083.776.887	3.078.927.583	74.124.135.877
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	68.512.128.846	4.211.190.310	1.004.336.028	1.065.749.364	74.793.404.548
Tại ngày 30/06/2017	65.928.946.662	3.612.536.038	2.989.760.548	925.233.166	73.456.476.414

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ hữu hình với số tiền là 12.324.230.002 VND đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.528.947.669 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phần mềm máy tính				
Nguyên giá	2.934.978.044	40.000.000	(201.645.000)	3.096.623.044
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.225.936.082)	(214.820.810)	201.645.000	(1.212.760.272)
Giá trị còn lại	1.709.041.962			1.883.862.772

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 524.295.000 VND.

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc				
Nguyên giá	27.853.048.219	-	-	27.853.048.219
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.097.358.355)	(456.302.543)	-	(6.641.055.812)
Giá trị còn lại	20.755.689.864			21.211.992.407

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	372.344.439	277.295.698
Các khoản khác	2.328.528.903	1.416.998.238
Cộng	2.700.873.342	1.694.293.936
Dài hạn:		
Lợi thế kinh doanh (*)	30.591.764.804	31.465.815.233
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.515.707.270	6.815.874.317
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.261.697.971	4.165.533.092
Các khoản khác	453.305.150	651.003.998
Cộng	40.822.475.195	43.098.226.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Tổng công ty Hàng Không Việt Nam Tập đoàn quốc tế Hanatour	3.851.624.148	3.851.624.148	2.526.689.152	2.526.689.152
Phải trả cho các đối tượng khác	2.546.369.460	2.546.369.460	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	10.418.095.583	10.418.095.583	6.284.712.927	6.284.712.927
	-	-	122.179.091	122.179.091
Cộng	16.816.089.191	16.816.089.191	8.933.581.170	8.933.581.170

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản Ân Điền	10.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ CHUBB Việt Nam	6.694.183.037	50.000.000
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	2.927.400.000	5.389.470.000
Người mua trả tiền trước là bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	824.762.000	132.000.000
Các khách hàng khác	31.188.844.258	8.406.008.118
Cộng	51.635.189.295	15.977.478.118

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.140.570.353	8.727.008.922	8.785.110.020	1.198.671.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.959.225.604	3.251.231.133	2.731.410.540	1.439.405.011
Thuế thu nhập cá nhân	116.111.937	510.481.644	563.277.460	168.907.753
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.467.468.783	76.557.755	76.557.755	1.467.468.783
Các loại thuế khác	93.079.316	159.094.859	66.015.543	-
Cộng	4.776.455.993	12.724.374.313	12.222.371.318	4.274.452.998

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lữ hành	2.200.334.223	579.803.343
Trích trước tiền thuê đất	1.090.218.717	-
Các khoản trích trước khác	1.540.450.314	551.310.989
Cộng	4.831.003.254	1.131.114.332

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	1.785.845.457	4.573.072.235
Các doanh thu chưa thực hiện khác.	1.050.262.578	1.080.608.032
Cộng	2.836.108.035	5.653.680.267

Dài hạn:		
Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	15.351.049.870	15.854.362.978

(*) Là khoản tiền thuê dài hạn nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.109.155.000	15.110.105.000
Phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	-	558.867.210
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.090.546.800	8.156.880.318
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.244.021.942	779.318.796
Cộng	24.443.723.742	24.605.171.324
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.032.109.788	10.069.417.250

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:	32.089.306.893	32.089.306.893	43.827.728.403	51.700.833.163	39.962.411.653	39.962.411.653
Vay dài hạn	3.863.112.000	3.863.112.000	-	1.287.704.000	5.150.816.000	5.150.816.000
Tổng cộng	35.952.418.893	35.952.418.893	43.827.728.403	52.988.537.163	45.113.227.653	45.113.227.653

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2%/năm	2.230.298.460	12.257.996.215	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7%/năm	23.455.636.330	21.642.417.535	(b)
Vay ngắn hạn của bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	VND	5%/năm	3.827.964.103	3.486.589.903	(c)
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2.575.408.000	2.575.408.000	(d)
Cộng			32.089.306.893	39.962.411.653	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2019	3.863.112.000	5.150.816.000 (d)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Các hợp đồng tại mục (a),(b) và (c) là các khoản vay tín chấp và không có tài sản đảm bảo.

(d) là khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng là công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Tất cả quyền sở hữu và lợi ích liên quan đến tài sản, kể cả quyền hợp đồng và quyền nhận tiền bảo hiểm của tài sản;
- Phần giá trị gia tăng đầu tư thêm gắn liền với tài sản, kể cả công trình, bộ phận được xây dựng thêm, nâng cấp, cải tạo, được mua gắn liền hoặc tọa lạc tại công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho khoản vay là 12.324.230.002 VND - Xem thêm mục 4.7.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	250.000.000.000	-	-	18.013.723.913	268.013.723.913
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	10.313.315.464	10.313.315.464
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.351.029.293	(1.351.029.293)	-
Tăng khác	-	-	-	306.730.985	306.730.985
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.351.029.293)	(1.351.029.293)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(903.087.030)	(903.087.030)
Số dư tại ngày 30/06/2016	250.000.000.000	-	1.351.029.293	12.528.624.746	263.879.654.039
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	14.275.510.146	14.275.510.146
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.840.278.419	(1.840.278.419)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.840.278.419)	(1.840.278.419)
Giảm khác	-	-	-	(1.086.000.000)	(1.086.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(304.500.000)	-	-	(304.500.000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	250.000.000.000	(304.500.000)	3.191.307.712	7.037.578.054	259.924.385.766
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	11.370.346.224	11.370.346.224
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(40.066.498)	40.066.498	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(39.990.014)	(39.990.014)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(161.700.000)	-	-	(161.700.000)
Giảm khác	-	-	-	(274.174.000)	(274.174.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	250.000.000.000	(466.200.000)	3.151.241.214	18.133.826.762	270.818.867.976

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	122.500.000.000	122.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	59.323.500.000	59.323.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	68.176.500.000	68.176.500.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.977.800	24.985.500

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	10.770,19	107.523,50
EUR	1.939,45	12.907,63

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lãi hành	200.996.708.926	162.074.013.697
Doanh thu vé máy bay	56.574.827.381	53.272.331.024
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	35.125.724.481	30.364.495.240
Doanh thu bán hàng hóa	31.563.277.990	25.327.168.369
Doanh thu cho thuê bất động sản	29.352.145.949	25.711.366.563

Cộng **353.612.684.727** **296.749.374.893**

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31: 24.636.177.491 19.470.144.159

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hoàn vé máy bay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	187.557.718.573	150.680.846.591
Giá vốn vé máy bay	52.656.694.722	49.237.703.132
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	20.621.035.100	17.273.616.101
Giá vốn bán hàng hóa	30.310.357.135	24.083.630.646
Giá vốn cho thuê bất động sản	2.636.302.543	2.109.882.992
Cộng	293.782.108.073	243.385.679.462

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	957.273.246	206.080.008
Cổ tức, lợi nhuận được chia	623.232.112	1.783.773.980
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	262.749.614	211.179.479
Lãi chênh lệch tỷ giá	113.243.998	134.925.757
Cộng	1.956.498.970	2.335.959.224

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.599.714.170	-
Lãi tiền vay	1.176.487.506	962.316.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá	105.477.261	156.012.802
Cộng	2.881.678.937	1.118.328.891

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	8.925.622.530	8.892.510.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.326.390.227	7.019.742.027
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.596.455.780	1.841.098.418
Chi phí bằng tiền khác	2.083.196.194	1.398.048.543
Cộng	19.931.664.731	19.151.399.966

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	9.282.371.992	8.865.698.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.045.911.135	5.233.676.057
Chi phí bằng tiền khác	7.334.180.967	6.069.138.926
Cộng	21.662.464.094	20.168.513.688

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.429.744.512	29.813.980.198
Chi phí nhân công	23.085.093.837	22.009.926.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.326.654.487	4.426.079.278
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.956.922.820	1.954.532.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.407.970.955	232.065.346.448
Cộng	355.206.386.611	290.269.864.973

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.413.869.357	12.652.181.975
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.426.978.422	825.924.562
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	15.840.847.779	13.478.106.537
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	(623.232.112)	(1.783.773.980)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	15.217.615.667	11.694.332.557
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.043.523.133	2.338.866.511

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	40.341.138.500	31.626.078.504

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(49.501.947.260)	(18.510.935.060)

4.31. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	Công ty con
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	Công ty liên kết
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	6.959.326.000	2.594.020.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	100.151.930	9.943.670
Cộng – Xem thêm mục 4.3	7.059.477.930	2.603.963.670
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	200.000	200.000
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác:		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	339.224.370	339.224.370
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	-	1.624.988.000
Cộng – Xem thêm mục 4.5	339.224.370	1.964.212.370

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải trả người bán:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	(100.000.000)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	-	(22.179.091)
	<hr/>	<hr/>
Cộng – Xem thêm mục 4.11	-	(122.179.091)
	<hr/>	<hr/>
	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	-	(132.000.000)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	(824.762.000)	
	<hr/>	<hr/>
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(824.762.000)	(132.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải trả khác:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	(17.172.210)
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	-	(541.695.000)
	<hr/>	<hr/>
Cộng – Xem thêm mục 4.16	-	(558.867.210)
	<hr/>	<hr/>
	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Vay – Xem thêm mục 4.17:		
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	(3.827.964.103)	(3.486.589.903)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	22.671.100.000	15.974.256.550
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	1.320.000.000	1.200.000.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	619.736.582	2.276.969.972
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	25.000.000	12.372.182
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	340.909	6.545.455
Cộng – Xem thêm mục 4.20	<u>24.636.177.491</u>	<u>19.470.144.159</u>

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	43.282.931
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	182.585.474	281.148.214
Cộng	<u>182.585.474</u>	<u>324.431.145</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	901.293.000	1.054.432.000
4.32. Thu nhập Ban kiểm soát		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	221.280.000	173.224.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.090.218.717	963.579.648

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.180.437.434	2.180.437.434
Trên 1 năm đến 5 năm	8.721.749.735	8.721.749.735
Trên 5 năm	55.601.154.560	56.691.373.277
Cộng	66.503.341.729	67.593.560.446

4.34. Công nợ tiềm tàng

Công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì đơn giá thuê đất của các mặt bằng này tăng cao so với đơn giá thuê đất hiện tại. Trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất tăng thêm theo các quyết định nêu trên do Công ty chưa nhận được thông báo từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và do tính chất phức tạp của việc áp dụng các quyết định nên Ban Tổng Giám đốc cũng không thể xác định tiền thuê đất tăng thêm một cách đáng tin cậy.

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 21 tháng 07 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng 55,56% phần vốn góp tại Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan cho Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Ân Điền theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN-2017 ngày 03 tháng 01 năm 2017.



Vũ Đình Quân
Tổng giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập